UỶ BAN NHÂN DÂN Tỉnh Thái Nguyên ***	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ----------B.15
Số: **1482**/2002/QĐ-UB	*Thái Nguyên, ngày 24 tháng 5 năm 2002*

QUYẾT ĐỊNH CỦA UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH
V/v Phê duyệt Đề án Tin học hoá quản lý hành chính Nhà nước tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2001 - 2005

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Căn cứ Luật tổ chức HĐND & UBND.
- Căn cứ Nghị định của Chính phủ số 52 /1999/NĐ-CP ngày 08 /7/1999 về việc ban hành quy chế quản lí đầu tư và xây dựng, Nghị định số 12/2000/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2000 V/v Sửa đổi, bổ sung qui chế quản lí đầu tư & xây dựng.
- Căn cứ quyết định số 112/QĐ-TTg ngày 25 tháng 7 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ v/v phê duyệt đề án tin học hoá quản lý hành chính Nhà nước giai đoạn 2001 - 2005
- Căn cứ kết quả thẩm định của Ban Điều hành đề án 112 - Văn phòng Chính phủ số 44/VPCP - BĐH112 ngày 29 tháng 3 năm 2002.
- Theo đề nghị của Văn phòng HĐND&UBND tỉnh tại công văn số 48/CV-VP ngày 18 tháng 4 năm 2002, của Sở Kế hoạch & đầu tư tại công văn số 442/TĐ-KH ngày 23 tháng 5 năm 2002.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: - Nay phê duyệt đề án Tin học hoá Quản lý hành chính Nhà nước tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2001 - 2005 như sau:

1/- Tên đề án: Tin học hoá quản lý hành chính Nhà nước tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2001 – 2005.

2/- Địa điểm xây dựng: Tỉnh Thái Nguyên.

3/- Mục tiêu đề án:

Xây dựng hoàn chỉnh các hệ thống thông tin Tin học hoá quản lý hành chính Nhà nước, phục vụ trực tiếp công tác chỉ đạo điều hành trong hệ thống các cơ quan hành chính thuộc tỉnh. Thống nhất áp dụng các chương trình quản lý, điều hành (thư tín điện tử, gửi nhận văn bản điện tử, quản lý hồ sơ công việc, quản lý cán bộ...). Đào tạo tin học cho cán bộ, công chức nhà nước, tạo khả năng tiếp cận sử dụng công nghệ mới trong công việc để đạt

được mục tiêu chung mà Chỉ thị số 58-CT/TW ngày 17/10/2000 của Bộ chính trị đã nêu là: ***"đến năm 2005, về cơ bản phải xây dựng và đưa vào hoạt động hệ thống thông tin điện tử của Đảng và Chính phủ..."***

* Cụ thể trong các giai đoạn:

+ Giai đoan 2002:

- Tiếp tục phát triển những kết quả trong việc tin học hoá mà tỉnh Thái Nguyên đã thu được trong giai đoạn 1996-2000.

- Hoàn thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật mạng, đưa chương trình quản lý hồ sơ công việc vào hoạt động.

- Bảo đảm mọi công chức có thể trao đổi thông tin trên mạng tin học của tỉnh và truy nhập vào trang thông tin điện tử của Chính phủ.

+ Giai đoan 2003:

- Xây dựng Trung tâm tích hợp dữ liệu của UBND tỉnh Thái Nguyên, đặt tại Văn phòng HĐND và UBDN tỉnh Thái Nguyên.

- Kết nối các sở, ban, ngành, huyện, thành phố, thị xã với Trung tâm mạng tin học quản lý hành chính của tỉnh.

- Hình thành trung tâm dữ liệu kinh tế-xã hội của tỉnh Thái Nguyên.

+ Giai đoan 2004-2005:

Tiếp tục hoàn thiện, mở rộng hạ tầng công nghệ thông tin, từng bước thực hiện tin học hoá các quy trình phục vụ nhân dân trong các lĩnh vực hành chính công như: Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xây dựng, đăng ký kinh doanh...

4/- Nội dung các hạng mục đầu tư:

- Xây dựng hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin trong tỉnh Thái Nguyên.

- Đào tạo tin học ứng dụng; Thăm quan học tập các tỉnh và nước ngoài.

- Hệ chương trình quản lý hồ sơ công việc phục vụ quản lý điều hành của lãnh đạo.

- Hệ chương trình tổng hợp thông tin báo cáo.

- Hệ chương trình quản lý đơn thư khiếu tố.

- Trang thông tin điện tử phục vụ quản lý điều hành.

- Kết hợp giữa mạng LAN của tỉnh và mạng diện rộng của đề án để tiết kiệm và hiệu quả kinh tế.

- Văn phòng HĐND-UBND tỉnh có 1 máy chủ và 1 máy chủ dự phòng để đảm bảo tính thường xuyên 24/24 giờ thu, nhập xử lý các thông tin.

- Truy cập vào mạng diện rộng (trang Web CP NET của tỉnh), chỉ dùng máy tính và Modem nối vào đường điện thoại, kết nối mạng diện rộng của tỉnh thông qua đó đến các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố, thị xã trong toàn tỉnh.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành:

+ Xây dựng và hoàn thiện hệ thống phần mềm phục vụ quản lý điều hành trong nội bộ Tỉnh uỷ và Văn phòng HĐND-UBND. Những ứng dụng phần mềm liên quan đến công tác tra cứu Công báo Chính phủ, văn bản quy phạm pháp Luật của tỉnh và gửi nhận văn bản điện tử cần được sử dụng tại tất cả các sở, ban, ngành, huyện, thành, thị trong tỉnh

+ Xây dựng cơ sở dữ liệu tại Sở Kế hoạch và Đầu tư.

+ Xây dựng cơ sở dữ liệu tại Sở Tài chính-Vật giá

+ Xây dựng cơ sở dữ liệu Nông Lâm Nghiệp – Sở nông nghiệp và Phát triển nông thôn

+ Xây dựng cơ sở dữ liệu tại Sở Khoa học-Công nghệ-Môi trường.

+ Xây dựng cơ sở dữ liệu tại Ban tổ chức chính quyền.

+ Xây dựng cơ sở dữ liệu tại Sở Địa chính.

+ Xây dựng cơ sở dữ liệu tại Kho bạc.

+ Xây dựng cơ sở dữ liệu Thuế.

+ Xây dựng cơ sở dữ liệu tại Ngân hàng.

+ Xây dựng cơ sở dữ liệu tại Sở Lao động-Thương binh-Xã hội

+ Xây dựng cơ cở dữ liệu tại Sở Công nghiệp.

+ Xây dựng cơ cở dữ liệu tại Sở giao thông vận tải.

+ Xây dựng cơ cở dữ liệu tại Sở xây dựng.

+ Xây dựng cơ cở dữ liệu tại Sở Văn hoá thông tin.

+ Xây dựng cơ cở dữ liệu tại UBDS- KHHGĐ.

+ Xây dựng cơ cở dữ liệu tại Sở Ytế.

+ Xây dựng cơ cở dữ liệu tại Sở Giáo dục đào tạo.

+ Xây dựng cơ cở dữ liệu tại Sở Thể dục thể thao.

+ Xây dựng cơ cở dữ liệu Ban tôn giáo.

+ Xây dựng cơ cở dữ liệu tại Công an tỉnh.

+ Xây dựng cơ cở dữ liệu tại Sở Tư pháp.

+ Xây dựng cơ cở dữ liệu tại Thanh tra tỉnh.

+ Xây dựng cơ cở dữ liệu tại Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh.

+ Xây dựng cơ sở dữ liệu tại Cục thống kê tỉnh Thái Nguyên.

Trong đó: Năm 2002-2003 xây dựng 12 CSDL chuyên ngành đối với 12 đơn vị: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính Vật giá, Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn, Sở KH CN và Môi trường, Sở xây dựng, Cục thống kê, Ban tổ chức chính quyền, Kho bạc, Cục thuế, Ngân hàng, Sở địa chính, Sở lao động thương binh và xã hội. Từ năm 2004 trở đi sẽ xây dựng các CSDL cho 21 sở ban ngành còn lại trong tỉnh.

- Xây dựng các cơ sở thông tin kinh tế xã hội tổng hợp.

- Các dịch vụ công:

+ Dịch vụ công Cấp giấy phép đăng ký kinh doanh.

+ Dịch vụ công Cấp giấy phép xây dựng.

+ Dịch vụ công Cấp quyền sử dụng đất.

+ Dịch vụ công Quản lý nhân khẩu hộ khẩu.

+ Dịch vụ công Đăng ký xuất nhập khẩu.

(Có phụ lục từ 1 - 6 kèm theo)

5/- Khái toán vốn đầu tư:

15

*** Tổng mức đầu tư: 25.035 triệu đồng.**

Trong đó:

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Nội dung/Dự án	Kính phí phân theo phân kỳ đầu tư				Tổng cộng
		2002	2003	2004	2005	
1	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật CNTT	3.987	3.198	3.225	1.090	11.499
2	Xây dựng CSDL thông tin và các phần mềm ứng dụng	1.995	2.584	3.002	2.619	10.200
3	Đào tạo huấn luyện	1.189	871	515	3	2.578
4	Quản lý phí	252	182	182	142	758
	Tổng Cộng	**7.423**	**6.835**	**6.924**	**3.854**	**25.035**

*** Nguồn vốn:**

- Ngân sách trung ương: 15.021 triệu đồng. Đầu tư cho các hạng mục chính của hệ thống gồm: Trung tâm tích hợp dữ liệu, xây dựng các phần mềm dùng chung, đào tạo sử dụng mạng, chi phí truyền thông với mạng tin học diện rộng của Chính phủ.

- Ngân sách địa phương: 10.014 triệu đồng. Đầu tư cho các hạng mục:

+ Chi phí chuẩn bị đầu tư lập Đề án. Kinh phí tạm tính: 250 triệu đồng.

+ Chi phí thăm quan học tập kinh nghiệm một số tỉnh đã thực hiện Đề án. Kinh phí tạm tính: 300 triệu đồng.

+ Các hạng mục còn lại và các chi phí khác

Cụ thể phân theo các năm:

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Năm 2002	Năm 2003	Năm 2004	Năm 2005	Tổng cộng
Trung ương đầu tư	5.095	4.400	4.650	2.320	15.021
Địa phương đầu tư	2.328	2.435	2.274	1.534	10.014
Tổng mức	**7.423**	**6.835**	**6.924**	**3.854**	**25.035**

6/- Tổ chức thực hiện:

6.1. Thành lập Ban điều hành đề án tin học hoá quản lý hành chính nhà nước của tỉnh Thái Nguyên, tổ thư ký và tổ chuyên viên giúp việc Ban điều hành.

Thành phần:

**** Ban điều hành:***

- Trưởng ban: Đại diện Lãnh đạo UBND tỉnh Thái Nguyên.

- Phó trưởng ban thường trực: Đ/c Chánh văn phòng HĐND và UBND tỉnh.

- Các Uỷ viên: + Đ/c Phó văn phòng UBND tỉnh.

+ Đại diện Lãnh đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư Thái Nguyên.

+ Đại diện Lãnh đạo Sở Tài chính Vật giá tỉnh Thái Nguyên.

+ Đại diện Lãnh đạo Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường.

+ Đại diện Lãnh đạo Ban tổ chức chính quyền.

+ Đại diện Lãnh đạo Bưu điện tỉnh Thái Nguyên.

- Uỷ viên thư ký: Lãnh đạo Phòng Hành chính Văn phòng HĐND-UBND tỉnh Thái Nguyên.

**** Tổ thư ký:*** Tổ trưởng và các tổ viên là các cán bộ thuộc Văn phòng HĐND-UBND tỉnh và những chuyên viên quản lý nhà nước của các ngành Tổng hợp như: Tài chính, Kế hoạch, Khoa học công nghệ và Bưu điện.

**** Tổ chuyên viên:*** Là các chuyên viên, chuyên gia thuộc các Sở ban ngành có chuyên môn về lĩnh vực công nghệ thông tin.

6.2. Thành lập Trung tâm tin học tỉnh Thái Nguyên trực thuộc Văn phòng HĐND-UBND tỉnh *(Theo đề án tin học quản lý hành chính nhà nước giai đoạn 2001-2005 Ban hành kèm theo quyết định số 112/2001/QĐ-TTg ngày 25/07/2001 của Thủ tướng Chính phủ)*

6.3. Xây dựng các cơ sở dữ liệu thông tin kinh tế xã hội và các dịch vụ công của ngành nào thì ngành đó làm Chủ dự án của ngành mình.

6.4. Nối mạng với tất cả các sở, ban, ngành trong tỉnh.

7/- Phân giao nhiệm vụ:

- Chủ quản đầu tư: UBND tỉnh Thái Nguyên

- Chủ đầu tư: Văn phòng HĐND-UBND tỉnh Thái Nguyên .

- Hình thức đầu tư: Hoàn thiện, phát triển mở rộng và xây dựng mới.

- Hình thức tổ chức quản lý: **Chủ đầu tư trực tiếp quản lý và điều hành**

- Thẩm định thiết bị, dự toán, kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu, kết quả đấu thầu: Sở tài chính vật giá.

- Phê duyệt thiết bị, dự toán, kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu, kết quả đấu thầu: UBND tỉnh Thái Nguyên

- Hình thức thực hiện đề án: Theo quy chế hiện hành.

- Thời gian thực hiện: Theo phân kỳ đầu tư

Điều 3 : - Các Ông , Bà : Chánh Văn phòng HĐND&UBND tỉnh,Thủ trưởng các ngành: Sở Kế hoạch & đầu tư, Sở Tài chính vật giá, Kho bạc nhà nước tỉnh Thái Nguyên, Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận

- Văn phòng Chính phủ
- Như điều 3
- Lưu VP-XDCB -SXKD B.113

T/M UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN
CHỦ TỊCH

Lương Đức Tính